

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 tháng 4 năm 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thoa; ông Vũ Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 4, thôn C, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh Đỗ Văn H1 – sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 47, tổ T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H và anh H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đinh Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/5/2011, chị và anh Đỗ Văn H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, có trải qua một thời gian tìm hiểu. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho chị và anh H1 theo phong tục tập quán địa phương.

Chị và anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh H1 đi làm nhưng không lo gì cho vợ con còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã cố gắng vì con, khuyên bảo anh H1 nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Từ tháng 6 năm 2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Đội 4, thôn C, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội sinh sống. Chị và anh H1 ly thân từ đó đến nay,

không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nếu kéo dài cuộc sống như hiện tại, chị và anh H1 sẽ không hạnh phúc và ảnh hưởng lớn đến việc chăm sóc, nuôi dạy các con. Do vậy, chị yêu cầu được ly hôn anh Đỗ Văn H1.

* Về con chung: Chị và anh H1 có 2 con chung là Đỗ Bảo D, sinh ngày 02/11/2011 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 04/02/2014. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Bảo N vì cháu còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Hiện tại, chị làm nhân viên siêu thị tại số 5, đường N quận C, thành phố Hà Nội, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, đủ điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung và công nợ chung với anh H1 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/3/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Đỗ Văn H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với Chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh cho rằng chủ yếu do bận công việc, hai vợ chồng không có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau nên dẫn đến những bất đồng, xích mích. Cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Khoảng tháng 6 năm 2019, bố đẻ anh uống quá chén nên xảy ra xích mích với Chị H. Anh đứng ở giữa rất khó xử, Chị H cho rằng anh không quan tâm, không bảo vệ vợ nên giận, mang quần áo bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Hai vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Anh cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu Chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị H về số con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh. Hiện nay, cháu lớn Đỗ Bảo D hiện đang ở cùng anh, cháu Đỗ Bảo N đang ở cùng Chị H. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Bảo D, đồng ý để Chị H tiếp tục nuôi cháu Đỗ Bảo N. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và Chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị H, không có yêu cầu gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2020, Tổ trưởng Tổ dân phố Thanh Mai cung cấp: Anh H1 và Chị H kết hôn năm 2011, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, Chị H chung sống cùng gia đình anh H1. Địa phương không rõ mâu thuẫn của vợ chồng anh H1, chỉ biết vợ chồng anh H1 không còn chung sống, Chị H đã đi khỏi địa phương.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2020 với ông Đỗ Hồng M (bố đẻ anh H1) cung cấp: Anh H1 và Chị H được gia đình tổ chức cưới hỏi năm 2011, có đăng ký

kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B. Vợ chồng anh H1 chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Chị H nghi ngờ anh H1 ngoại tình. Tháng 5 năm 2019, Chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở huyện H, thành phố Hà Nội sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Ông M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng Chị H vắng mặt nên không đạt kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Đình Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đình Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn H1 .

- Về con chung: Giao chị Đình Thị H nuôi con chung Đỗ Bảo N, sinh ngày 04/02/2014; giao anh Đỗ Văn H1 nuôi con chung Đỗ Bảo D, sinh ngày 02/11/2011. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đình Thị H và anh Đỗ Văn H1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Chị H và anh H1 là đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn ngày 17/5/2011 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh H1 đều xác nhận có mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống với nhau. Hai vợ chồng đã ly

thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng Chị H không có mặt, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H về việc ly hôn anh Đỗ Văn H1 theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 đều xác nhận có 2 con chung là Đỗ Bảo D, sinh ngày 02/11/2011 và Đỗ Bảo N, sinh ngày 04/02/2014. Hiện cháu D đang ở cùng anh H1, cháu Nam đang ở cùng Chị H. Giao Chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên đương sự, nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đình Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn H1.

2. Về con chung: Giao chị Đình Thị H nuôi con chung Đỗ Bảo N, sinh ngày 04/02/2014; giao anh Đỗ Văn H1 nuôi con chung Đỗ Bảo D, sinh ngày 02/11/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Chị H, anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000737 ngày 0000941 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND P. Đ, TP. B; tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang